

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2022/DS-ST
Ngày 22 – 8 – 2022
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh T.A, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 86/115, đường H, khóm S, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 97, đường H, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021 (có mặt).

* ***Bị đơn:*** Ông Phạm Minh H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T.A, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2021, tại bản tự khai và lời trình bày của đại diện nguyên đơn được bổ sung tại phiên tòa: Ông Huỳnh T.A và ông Phạm Minh H có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/4/2020 ông T.A có cho ông H vay 30.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất. Có làm văn bản cầm cố tài sản là xe biển số 69B1-491.07, thỏa thuận thời hạn trả hàng tháng mỗi tháng 5.000.000đ, trả với thời gian 06 tháng, nhưng ông H chưa trả cho ông T.A khoản tiền nào. Cùng ngày 27/4/2020 ông H và ông T.A thỏa thuận lại và đã ký kết hợp đồng mua bán xe Honda Wave biển số 69B1-491.07 giá 10.000.000đ, hợp đồng được công chứng. Nay ông T.A yêu cầu đòi trừ số tiền mua bán xe 10.000.000đ vào

khoản nợ của ông H và yêu cầu ông H phải trả khoản tiền vốn vay 20.000.000đ và lãi suất theo quy định 1,66%/tháng với thời gian 27 tháng bằng 8.964.000đ. Không yêu cầu đối với hợp đồng mua bán xe.

* Đối với ông Nguyễn Minh H, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông H đều vắng mặt và không gửi đến Tòa án ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Huỳnh T.A yêu cầu ông Phạm Minh H thanh toán khoản tiền vốn vay 20.000.000đ. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Phạm Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định tại Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện, ông T.A xác định ông Phạm Minh H có vay tiền của ông số tiền 30.000.000đ, sau đó trừ tiền ông H bán xe cho ông T.A 10.000.000đ, đến nay ông H còn nợ ông T.A vốn vay 20.000.000đ và lãi suất theo quy định. Xét thấy các bên thực hiện giao dịch vay tiền, ông T.A thừa nhận vay có cầm cố tài sản nhưng việc cầm cố tài sản không thể hiện nội dung rõ ràng cũng không thực hiện theo đúng trình tự thủ tục cầm cố tài sản theo quy định pháp luật. Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng bị đơn hoàn toàn không có ý kiến gửi đến Tòa án về vấn đề này. Hội đồng xét xử căn cứ vào văn bản đề ngày 27/4/2020 có tiêu đề “Hợp đồng cầm cố tài sản” với nội dung ông H mượn tiền ông T.A số tiền 30.000.000đ thể hiện giao dịch vay tiền thực tế có xảy ra. Ông T.A thừa nhận và tự nguyện đối trừ tiền ông H bán xe 10.000.000đ theo hợp đồng mua bán xe giữa ông T.A với ông H vào ngày 27/4/2020, ông T.A yêu cầu tiền vốn 20.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền lãi ông T.A yêu cầu mức lãi 1,66%/tháng với thời gian 27 tháng trên số vốn 20.000.000đ bằng 8.964.000đ, nhưng do hoàn cảnh ông Hiền khó khăn nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giảm tiền lãi chỉ yêu cầu ông H thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 4.000.000đ, đây là thiện chí của nguyên đơn có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu về khoản lãi của nguyên đơn.

[5] Đối với hợp đồng mua bán xe biển số 69B1-491.07, nguyên và bị đơn đều không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông H phải chịu theo quy định. Ông T.A không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh T.A: Buộc ông Phạm Minh H phải trả cho ông Huỳnh T.A số tiền vốn và lãi tính đến ngày 22/8/2022 là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*). Trong đó, tiền vốn là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), tiền lãi là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Huỳnh T.A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phạm Minh H không thanh toán xong khoản tiền vốn nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*) ông Phạm Minh H phải nộp (*chưa nộp*). Ông Huỳnh T.A không phải nộp án phí, ngày 19/01/2022 ông Huỳnh T.A đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*), theo biên lai số 0000822, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thi Thu